TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO PHONG** **TỈNH HOÀ BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 56/2024/QĐT-HNGĐ	*Cao Phong, ngày 18 tháng 9 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 83/2024/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị P**, sinh năm: 1972;

- Bị đơn: Ông **Bùi Văn B**, sinh năm: 1969;

Cùng cư trú tại: Xóm Bảm, xã Tây Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà Bùi Thị P và ông Bùi Văn B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị P và ông Bùi Văn B thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con:

- Về con chung: Bà P và ông B có 02 *(Hai)* con chung tên là Bùi Thị Ngọc N giới tính: Nữ, sinh ngày 09/7/1999 và Bùi Trung Q, giới tính: Nam, sinh ngày 08/12/2003. Hiện các con đã đủ 18 *(Mười tám)* tuổi, đã trưởng thành sức khỏe bình thường. Các đương sự thống nhất thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất thỏa thuận cụ thể như sau:

- Bà P trả cho ông B tổng số tiền là 6.000.000.000đ *(Sáu tỷ đồng)* trong đó năm 2022 bà P đã trả cho ông B số tiền là 4.000.000.000đ *(Bốn tỷ đồng)* nay ông B yêu cầu bà P trả nốt số tiền còn lại là 2.000.000.000đ *(Hai tỷ đồng)* vào ngày 23/8/2024.

* Xác nhận bà P đã trả cho ông B số tiền 2.000.000.000đ *(Hai tỷ đồng)* vào ngày 23/8/2024.

***** Bà P được toàn quyền sử dụng và định đoạt các tài sản bao gồm:

- 01 *(Một)* xe ô tô bán tải TOYOTA HILUX đăng ký tên Bùi Thị P: BKS 28C - 051.54 *(Giấy chứng nhận đăng ký số: 011664, cấp ngày 24/10/2018);*

- 01 *(Một)* xe ô tô tải KIA FRONTIER *(Loại nhỏ)* đăng lý tên Bùi Thị P: BKS: 28C – 037.83 *(Giấy chứng nhận đăng ký số: 006479, cấp ngày 23/02/2016);*

- 01 *(Một)* cửa hàng bán phân bón cây trồng vật tư nông nghiệp trị giá khoảng 900.000.000đ *(Chín trăm triệu đồng).*

2.4. Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Bà Bùi Thị P tự nguyện nộp toàn bộ: 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002940 ngày 23/8/2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Cao Phong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Cao Phong;
- Chi cục THADS huyện Cao Phong;
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Đức Thịnh